

Số: 1572/QĐ-VKS

Yên Bái, ngày 02 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

V/việc công bố công khai dự toán NSNN quý III và 9 tháng năm 2024

**VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;  
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;  
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;  
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;  
Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-VKSTC ngày 29/12/2023. Căn cứ Quyết định số 30/QĐ-VKSTC ngày 18/3/2024. Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-VKSTC ngày 08/7/2024. Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-VKSTC ngày 13/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2024; Căn cứ Quyết định số 116/QĐ-VKSTC ngày 20/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024.

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán NSNN quý III và 9 tháng năm 2024 của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng tổng hợp, Kế toán trưởng và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục 3 VKSTC (báo cáo);
- Trang TTĐT tỉnh (đăng tin);
- Lưu VT, KT.

**KT.VIỆN TRƯỞNG  
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Lê Xuân Hùng



**CÔNG KHAI PHÂN BỔ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC QUÝ III - NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1572/QĐ-VKS ngày 02 tháng 10 năm 2024 của VKSND tỉnh Yên Bái)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Tổng số được giao		Tổng số đã phân bổ		Số chưa phân bổ
		Trong quý III	Lũy kế 9 tháng	Trong quý III	Lũy kế 9 tháng	
	<b>TỔNG KINH PHÍ ĐƯỢC GIAO</b>	<b>-289.400.000</b>	<b>41.850.993.900</b>	<b>-289.400.000</b>	<b>41.850.993.900</b>	
<b>I</b>	<b>Quản lý hành chính (Loại 340-341)</b>	<b>-289.400.000</b>	<b>41.639.693.900</b>	<b>-289.400.000</b>	<b>41.639.693.900</b>	-
1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ	-289.400.000	39.630.962.900	-289.400.000	39.630.962.900	
1.2	Kinh phí không thực hiện tự chủ		2.008.731.000		2.008.731.000	
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp giáo dục đào tạo (Loại 070-085)</b>		<b>211.300.000</b>		<b>211.300.000</b>	-
	Kinh phí không thực hiện tự chủ		211.300.000		211.300.000	



**CÔNG KHAI PHẦN BỔ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 1572/QĐ-VKS ngày 02 tháng 10 năm 2024 của VKSND tỉnh Yên Bái)

ĐVT: Đồng

TT	Tên đơn vị	Mã số DVQHNS	Mã số KBNN	Quản lý hành chính L340-341			Sự nghiệp giáo dục đào tạo Loại 070-085 (Không tự chủ)
				Tổng số	Tự chủ	Trong đó	
				Không tự chủ			
1	Văn phòng VKS tỉnh Yên Bái	1009290	2561	19.149.625.000	17.521.094.000	1.417.231.000	211.300.000
2	VKS thành phố Yên Bái	1009515	2561	3.464.272.900	3.396.772.900	67.500.000	
3	VKS huyện Mộ Cang Chải	1001855	2562	1.998.600.000	1.815.100.000	183.500.000	
4	VKS huyện Trấn Yên	1001856	2563	2.414.100.000	2.370.600.000	43.500.000	
5	VKS huyện Yên Bình	1002483	2564	2.760.400.000	2.704.900.000	55.500.000	
6	VKS huyện Lục Yên	1009510	2565	2.210.500.000	2.162.500.000	48.000.000	
7	VKS huyện Văn Chấn	1002484	2566	2.589.600.000	2.538.100.000	51.500.000	
8	VKS huyện Trạm Tấu	1002485	2567	1.913.800.000	1.870.800.000	43.000.000	
9	VKS huyện Văn Yên	1009511	2568	2.625.500.000	2.574.000.000	51.500.000	
10	VKS thị xã Nghĩa Lộ	1009509	2569	2.724.596.000	2.677.096.000	47.500.000	
<b>Tổng cộng</b>				<b>41.850.993.900</b>	<b>39.630.962.900</b>	<b>2.008.731.000</b>	<b>211.300.000</b>